TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2021/DS-ST.

Ngày: 23/9/2021.

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY- TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa.**

Ông **Võ Hồng Vinh.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST–DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78A/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà H, 412 N, Phường A, Quận B, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Thanh H. Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm quản lý và thu hồi nợ theo quyết định số 222/2020/UQ-PCTT ngày 12/6/2020 của tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần B, gọi tắt là BVB. Ông Phan Thanh H ủy quyền lại cho chị Nguyễn Ngọc Tuyết N. Địa chỉ: số 143, N, phường C, thành phố M, tỉnh T theo giấy ủy quyền số 166/2021/UQ-TTQL&THN ngày 15/4/2021.

*Bị đơn: Đặng Thị Kim H, sinh năm 1963.

Hồ Văn G, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh T.

(Ngân hàng có đơn vắng mặt xét xử, bà H có đơn vắng mặt xét xử, ông G có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày**:

Ngày 22/6/2018, ngân hàng thương mại cổ phần B đã ký với bà Đặng Thị Kim H, ông Hồ Văn G hợp đồng tín dụng số 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018. Theo đó, ngân hàng cho bà Đặng Thị Kim H, ông Hồ Văn G vay vốn theo các nội dung sau: Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); thời hạn vay 36 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Ngày đến hạn: 28/6/2021; Phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 27 định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc: Theo lịch trả nợ đính kèm. Hàng tháng bà H, ông G thanh toán 833.333 đồng tiền gốc và 254.795 đồng tiền lãi (tiền lãi có thể thay đổi tùy theo ngày khách hàng thanh toán nợ). Tạm tính đến ngày 28/6/2021, bà H và ông G đã thanh toán được 21 kỳ gốc. Biện pháp bảo đảm: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình vay vốn, bà H và ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc vay và nợ lãi đối với ngân hàng. Ngày quá hạn là ngày 29/4/2019, bà H và ông G đã trả lãi đến ngày 27/02/2020 thì ngưng trả lãi, đến ngày 27/4/2020 thì ngưng trả nợ gốc, ngưng trả nợ hoàn toàn từ ngày 28/5/2020. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp, gửi thông báo nợ quá hạn để yêu cầu bà H, ông G thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H, ông G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 28/6/2021 thì bà H, ông G còn nợ ngân hàng là 17.625.410 đồng (trong đó số tiền gốc là 12.500.007 đồng, lãi trong hạn: 3.798.470 đồng, lãi phạt chậm trả là: 228.304 đồng, lãi phạt chậm vốn: 1.098.630 đồng).

Nay ngân hàng yêu cầu buộc bà Đặng Thị Kim H, ông Hồ Văn G phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 17.625.410 đồng.

Buộc bà Đặng Thị Kim H, ông Hồ Văn G phải chịu toàn bộ lãi, phí/phạt phát sinh tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng số: 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018 đến khi trả hết nợ, bà H và ông G phải trả theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có) lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn gốc.

Thực hiện một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn ông Hồ Văn G trình bày**:

Ông G thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ngân hàng, hiện nay ông và vợ ông là bà Đặng Thị Kim H còn nợ ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 17.625.410 đồng là đúng (trong đó số tiền gốc là 12.500.007 đồng, lãi trong hạn là 3.798.470 đồng, lãi phạt chậm lãi là 228.304 đồng, lãi phạt chậm vốn là: 1.098.630 đồng). Nay qua yêu cầu của ngân hàng yêu cầu buộc bà H, ông G phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 17.625.410 đồng. Buộc bà

H, ông G phải chịu toàn bộ lãi, phí/phạt phát sinh tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng số: 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018 đến khi trả hết nợ, bà H và ông G phải trả theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có) lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn gốc. Thực hiện một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông và bà H đồng ý trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 17.625.410 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), trả cho đến khi trả hết số nợ.

*** Tại phiên tòa:**

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B có đơn vắng mặt xét xử, tuy nhiên ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tính đến ngày xét xử thì bà H, ông G còn nợ ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng (trong đó vốn gốc là 12.500.007 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 23/9/2020 là 4.513.538 đồng, lãi phạt chậm lãi từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2021 là 327.779 đồng, lãi phạt chậm vốn từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2020 là 1.574.999 đồng). Ngân hàng yêu cầu bà H, ông G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng. Buộc bà H, ông G phải chịu toàn bộ lãi, phí/phạt phát sinh tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng số: 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018 đến khi trả hết nợ, bà H và ông G phải trả theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có) lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn gốc. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông G thống nhất số nợ hiện nay ông và bà H còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần B là 18.916.324 đồng, ông cũng đồng ý thống nhất cùng bà H trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng, nhưng do hoàn cảnh hiện tại đang khó khăn, không có khả năng trả một lần theo yêu cầu của ngân hàng nên ông xin được cùng bà H trả dần, xin trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), xin không trả lãi, trả cho đến khi nào trả hết số tiền nợ ngân hàng.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về việc giải quyết vụ kiện: Giữa ngân hàng với ông G, bà H đã xảy ra giao dịch vay tiền là có thật. Việc ông G, bà H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi vay tiền đã vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi ngân hàng. Do đó, đại diện ngân hàng yêu cầu ông G, bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ là có cơ sở chấp nhận. Về tiền lãi và phương thức trả nợ ngân hàng yêu cầu ông G, bà H trả số tiền là 18.916.324 đồng (trong đó gốc 12.500.007 đồng, lãi 6.416.317 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên đến khi trả xong nợ, trả vốn và lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông G đồng ý yêu cầu của ngân hàng nhưng xin trả dần hàng tháng

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và xin không trả lãi, trả đến khi hết nợ. Xét thấy, việc trả nợ của ông G nhằm kéo dài thời gian và không được ngân hàng đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông G, bà H có trách nhiệm trả nợ ngân hàng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ. Từ những phân trích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về tố tụng: Đối với bà Đặng Thị Kim H đã được tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Hương vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà Hương.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà H, ông G trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng (trong đó vốn gốc là 12.500.007 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 23/9/2020 là 4.513.538 đồng, lãi phạt chậm lãi từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2021 là 327.779 đồng, lãi phạt chậm vốn từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2020 là 1.574.999 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà H, ông G trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng (trong đó vốn gốc là 12.500.007 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 23/9/2020 là 4.513.538 đồng, lãi phạt chậm lãi từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2021 là 327.779 đồng, lãi phạt chậm vốn từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2020 là 1.574.999 đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ngân hàng đã cung cấp Hợp đồng tín dụng số: 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018. Giấy nhận nợ số: 01/0694/03118/TDGĐ-CN ngày 27/6/2018 do bà H, ông G cùng ký tên. Bị đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, trong suốt quá trình quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông G thống nhất số nợ ngân hàng yêu cầu. Từ đó cho thấy giữa ngân hàng với bà H, ông G đã xảy ra giao dịch vay tiền là có thật được các bên thừa nhận, việc bà H và ông G đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, sau khi vay tiền đã vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Do đó ngân hàng yêu cầu ông G, bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về thời gian trả: Ngân hàng yêu cầu bà H, ông G phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng (trong đó vốn gốc là

12.500.007 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 23/9/2020 là 4.513.538 đồng, lãi phạt chậm lãi từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2021 là 327.779 đồng, lãi phạt chậm vốn từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2020 là 1.574.999 đồng), buộc bà H, ông G phải chịu toàn bộ lãi, phí/phạt phát sinh tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng số: 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018 đến khi trả hết nợ, bà H và ông G phải trả theo thứ tự: phí/các khoản phải trả khác (nếu có) lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn gốc, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H, ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trả không đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, ngân hàng đã thông báo nhiều lần nhưng bà H, ông G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, việc ông G xin trả dần là kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi của ngân hàng, không được ngân hàng chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà H, ông G trả số tiền còn nợ, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà H, ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;`

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với bà Đặng Thị Kim H, ông Hồ Văn G.

Buộc bà Đặng Thị Kim H, ông Hồ Văn G có nghĩa vụ trả cho ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/9/2021 là 18.916.324 đồng (trong đó vốn gốc là: 12.500.007 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 23/9/2020 là 4.513.538 đồng, lãi phạt chậm lãi từ ngày 27/4/2020 đến ngày

23/9/2021 là 327.779 đồng, lãi phạt chậm vốn từ ngày 27/4/2020 đến ngày 23/9/2020 là 1.574.999 đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà H, ông G chậm trả số tiền nêu trên thì bà H, ông G còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0694/03118/TDGĐ-CN ngày 22/6/2018 mà bà H, ông G đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi bà H, ông G trả xong nợ.

2/Án phí: Bà H, ông G phải chịu 946.000 đồng (Chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt số tiền 415.000 đồng (Bốn trăm mười lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp theo biên lai số 0017358 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

3/ Nguyên đơn ngân hàng vắng mặt, bị đơn bà H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Riêng bị đơn ông G có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thanh Trinh

*N**ơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS H.Gò Công Tây;
- Lưu.